**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 2 – Tin học 12**

*(2020 - 2021)*

**Câu 1:** Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta không thể để trống trường nào sau đây?

 **A.**  Khóa chính và trường bắt buộc điền dữ liệu

 **B.**  Khóa chính

 **C.**  Tất cả các trường của bảng

 **D.**  Khóa và khóa chính

**Câu 2: Thao tác xóa một bản ghi nào sau đây là không thể thành công** (Hình BangView)



 **A.**  Lệnh Edit/ Delete Record

 **B.**  Nhấn tổ hợp phím Shift+Delete

 **C.**  Nháy nút Delete Record trên thanh công cụ

 **D.**  Nhấn tổ hợp phím Ctrl+Delete

**Câu 3:** Trong cơ sở dữ liệu của một kỳ thi có 3 bảng được nối liên kết dưới đây, theo em thì khi nhập dữ liệu cho các bảng thì nhập phải nhập theo thứ tự nào (Hình QuanHe1-n.jpg)



 **A.**  DANH\_PHACH → DIEM\_THI → THI\_SINH  **B.**  DANH\_PHACH → THI\_SINH → DIEM\_THI

 **C.**  Tùy ý **D.**  THI\_SINH → DIEM\_THI → DANH\_PHACH

**Câu 4: Trong chế độ chỉnh sửa bảng, để xóa một trường, ta chọn trường cần xóa và dùng thao tác nào sau đây:**

 **A.**  Edit / Delete-Del hoặc Edit / Delete Rows

 **B.**  Nhấn phím Delete trên bàn phím

 **C.**  Nháy nút Delete Rows trên thanh công cụ

 **D.**  Tất cả đều đúng

**Câu 5: Hai bảng trong một CSDL quan hệ được liên kết với nhau bởi các khóa. Điều khẳng định nào sau đây là đúng?**

 **A.**  Các khóa tham gia liên kết phải là khóa chính của mỗi bảng

 **B.**  Trong các khóa liên kết có thể không có khóa chính nào tham gia

 **C.**  Trong các khóa liên kết phải có ít nhất một khóa là khóa chính ở một bảng nào đó

 **D.**  Các khóa tham gia liên kết không được là khóa chính trong mỗi bảng

**Câu 6: Để xem và sửa thông tin trong bảng ta có thể thực hiện**

 **A.**  Trực tiếp trên bảng hoặc Báo cáo **B.**  Trực tiếp trên bảng hoặc Biểu mẫu

 **C.**  Trực tiếp trên bảng hoặc Mẫu hỏi **D.**  Tất cả đều được

**Câu 7: Trong chế độ chỉnh sửa bảng, để thêm một trường, ta chọn trường để thêm một trường mới vào vị trí đó và dùng thao tác nào sau đây:**

 **A.**  Insert / Row

 **B.**  Tất cả đều đúng

 **C.**  Nhấn phím Insert trên bàn phím

 **D.**  Nháy nút Insert Row trên thanh công cụ

**Câu 8:** Phát biểu nào *sai* trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

 **A.**  Dữ liệu trong cột khóa chính không được bỏ trống

 **B.**  Một bảng có thể có nhiều khoá chính

 **C.**  Nếu dữ liệu trong cột khóa chính không trùng nhau và không bỏ trống thì có thể chọn là khóa chính

 **D.**  Dữ liệu trong cột khóa chính không được trùng nhau

**Câu 9:** Phát biểu nào trong các phát biểu sau là *sai* khi nói về miền?

 **A.**  Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền

 **B.**  Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text

 **C.**  Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau

 **D.**  Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên

**Câu 10: Chức năng chính của biểu mẫu (Form) là:**

 **A.**  Tạo truy vấn lọc dữ liệu

 **B.**  Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

 **C.**  Tạo báo cáo thống kê số liệu

 **D.**  Hiển thị và cập nhật dữ liệu

**Câu 11: Câu nào sai trong các câu dưới đây?**

 **A.**  Hệ quản trị CSDL không cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

 **B.**  Thay đổi mật khẩu để tăng cường khả năng bảo vệ mật khẩu

 **C.**  Nên định kì thay đổi mật khẩu

 **D.**  Hệ quản trị CSDL cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

**Câu 12: Thao tác thêm một bản ghi mới nào sau đây là không thể thành công** (Hình BangView)



 **A.**  Nhấn tổ hợp phím Ctrl+Insert **B.**  Nhấn tổ hợp phím Ctrl++

 **C.**  Lệnh Insert/ New record **D.**  Lệnh Edit/ Goto/ new record

**Câu 13: Khảng định nào dưới đây là không chính xác khi nói về chức năng lưu biên bản hệ thống?**

 **A.**  Cho thông tin về một số lần cập nhật cuối cùng

 **B.**  Cho biết số lần truy cập vào hệ thống, vào từng thành phần của hệ thống, vào từng yêu cầu tra cứu, …

 **C.**  Lưu lại nội dung cập nhật, người thực hiện, thời điểm cập nhật

 **D.**  Lưu lại các thông tin cá nhân của người cập nhật

**Câu 14:** Thuật ngữ “miền” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

 **A.**  Kiểu dữ liệu của một thuộc tính **B.**  Bảng

 **C.**  Cột **D.**  Hàng

**Câu 15: Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật CSDL, chính xác là ta cần phải:**

 **A.**  Thường xuyên sao chép dữ liệu

 **B.**  Nhận dạng người dùng bằng mã hoá

 **C.**  Thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống bảo vệ

 **D.**  Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm

**Câu 16: Trong khi làm việc với cấu trúc bảng, muốn xóa một trường đã chọn, ta thực hiện:** (Hình CuaSoThietKeBang)



 **A.**  Edit / Delete Rows hoặc nháy nút 14

 **B.**  Record / Delete Rows hoặc nháy nút 14

 **C.**  Edit / Delete Rows hoặc nháy nút 15

 **D.**  Rows / Delete hoặc nháy nút 15

**Câu 17: Trong thiết kế, giả sử trong một bảng, phải đặt nhiều khóa, khi đó ta phải thực hiện như thế nào?**

 **A.**  Tất cả các cách nêu ra đều được

 **B.**  Nhấn giữ Ctrl đồng thời chọn lần lượt từng trường được chỉ định làm khóa,và nháy nút biểu tượng khóa trên thanh công cụ

 **C.**  Chọn các trường được chỉ định làm khóa, sau đó mới nháy nút biểu tượng khóa trên thanh công cụ

 **D.**  Chọn lần lượt từng trường được chỉ định làm khóa,và nháy nút biểu tượng khóa trên thanh công cụ

**Câu 18: Trong chế độ chỉnh sửa (Design view), Khảng định nào sau đây là chính xác** (Hình BangDesign)

****

 **A.**  Không thể xóa trường đã đặt khóa

 **B.**  Chỉ có thể xóa tối đa 3 trường tính từ trường hiện tại xuống dưới

 **C.**  Có thể xóa một hoặc nhiều trường cùng lúc

 **D.**  Chỉ có thể xóa từng trường một mà thôi

**Câu 19: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :**

 **A.**  Tạo ra một hay nhiều báo cáo **B.**  Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi

 **C.**  Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu **D.**  Tạo ra một hay nhiều bảng

**Câu 20: Ai là người có thể đưa ra các chủ trương, chính sách, điều luật để bảo vệ thông tin?**

 **A.**  Nhà nước

 **B.**  Tất cả đều có thể

 **C.**  Người phân tích thiết kế và người quản trị CSDL.

 **D.**  Người dùng

**Câu 21:** Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

 **A.**  Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệt

 **B.**  Phần mềm Microsoft Access

 **C.**  Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ

 **D.**  Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ

**Câu 22:** Giả sử một bảng có 2 trường MAHS (Mã Học sinh) và HOTEN (Họ tên) thì nên chọn trường MAHS làm khoá chính hơn vì :

 **A.**  Trường MAHS là trường ngắn hơn

 **B.**  Trường MAHS đứng trước trường HOTEN

 **C.**  Trường MAHS là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất

 **D.**  Trường MAHS là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số

**Câu 23:** Cho bảng dữ liệu dưới đây: Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì: (Hình ThuocTinhDaTri.jpg)



 **A.**  Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính

 **B.**  Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV – 02

 **C.**  Có thuộc tính là đa trị

 **D.**  Ðộ rộng các cột không bằng nhau

**Câu 24: Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng quyết định đến bảo mật thông tin trong các hệ CSDL. Tuy nhiên việc bảo mật phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây:**

 **A.**  Tất cả

 **B.**  Ý thức của người dùng

 **C.**  Chính sách pháp luật của nhà nước

 **D.**  Các giải pháp tốt về phần cứng và phần mềm

**Câu 25:** Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

 **A.**  Kiểu dữ liệu của một thuộc tính **B.**  Bảng

 **C.**  Cột **D.**  Hàng

**Câu 26: Người dùng khi sử dụng CSDL thì nên làm gì**

 **A.**  Không tiết lộ nội dung dữ liệu cũng như chương trình xử lí

 **B.**  Ngoài những người quen thì không nên tiết lộ thông tin dữ liệu và chương trình xử lý

 **C.**  Chỉ cho biết thông tin dữ liệu và chương trình xử lý cho nhân viên kỹ thuật khi có sự cố

 **D.**  Nếu không gặp những tình huống bị ép buộc thì không được tiết lộ thông tin dữ liệu và chương trình xử lý

**Câu 27: Giả sử trong cơ sở dữ liệu BAN\_HANG (có 3 bảng MatHang, KhachHang, HoaDon có nối liên kết 1-nhiều) theo em ta phải nhập dữ liệu theo thứ tự cho các bảng như thế nào là đúng?**

 **A.**  Nhập dữ liệu cho bảng HoaDon và KhachHang cuối cùng là MatHang

 **B.**  Nhập dữ liệu cho bảng MatHang và KhachHang cuối cùng là HoaDon

 **C.**  Nhập tùy ý, bảng nào trước bảng nào sau đều được

 **D.**  Nhập dữ liệu cho bảng MatHang và HoaDon cuối cùng là KhachHang

**Câu 28: Cho các thao tác sau : B1: Tạo bảng; B2: Đặt tên và lưu cấu trúc; B3: Chọn khóa chính cho bảng; B4: Tạo liên kết. Để tạo lập được một CSDL quan hệ ta phải thực hiện theo quy trình nào sau:**

 **A.**  B1-B2-B3-B4 **B.**  B1-B3-B2-B4 **C.**  B1-B3-B4-B2 **D.**  B2-B1-B2-B4

**Câu 29: Sau khi tạo cấu trúc cho bảng thì:**

 **A.**  Có thể lưu lại cấu trúc và nhập dữ liệu sau

 **B.**  Phải cập nhật dữ liệu ngay vì cấu trúc của bảng không thể sửa đổi

 **C.**  Phải lưu lại cấu trúc rồi nhập dữ liệu ngay

 **D.**  Không thể sửa lại cấu trúc

**Câu 30: Khảng định nào sau đây là không chính xác** (Hình BangView)

****

 **A.**  Không thể chèn thêm một bản ghi mới vào một vị trí nào đó mà các bản ghi đã có trong bảng

 **B.**  Có thể chèn thêm một bản ghi mới vào bất cứ vị trí nào trong bảng

 **C.**  Mặc định bản ghi mới là luôn ở cuối bảng

 **D.**  Chỉ có thể chèn thêm một bản ghi mới vào cuối bảng mà thôi

**Câu 31: Trong chế độ trang dữ liệu (Datasheet view), Khảng định nào sau đây là chính xác** (Hình BangView)

****

 **A.**  Chỉ có thể xóa từng trường trong bảng mà thôi

 **B.**  Có thể xóa một hoặc nhiều trường cùng lúc

 **C.**  Chỉ có thể xóa tối đa 3 trường tính từ trường hiện tại sang bên phải

 **D.**  Không thể xóa trường trong chế độ trang dữ liệu

**Câu 32: Để nhận dạng người dùng khi đăng nhập vào CSDL, ngoài mật khẩu người ta còn dùng** các cách nhận dạng nào sau đây:

 **A.**  Chứng minh nhân dân.

 **B.**  Giọng nói, dấu vân tay, võng mạc, chữ ký điện tử.

 **C.**  Âm thanh

 **D.**  Hình ảnh

**Câu 33: Để cập nhật dữ liệu cho bảng ta có thể:**

 **A.**  Tất cả đều được

 **B.**  Sao chép các bản ghi từ một bảng khác có cùng cấu trúc

 **C.**  Thêm, xóa, hay sửa các bản ghi thông qua Biểu mẫu

 **D.**  Thêm, xóa, hay sửa các bản ghi trực tiếp vào bảng

**Câu 34:** Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

 **A.**  Mô hình cơ sỡ quan hệ **B.**  Mô hình phân cấp

 **C.**  Mô hình dữ liệu quan hệ **D.**  Mô hình hướng đối tượng

**Câu 35: Ai là người có thể đưa ra các giải pháp kỹ thuật trong việc bảo mật thông tin?**

 **A.**  Tất cả đều có thể

 **B.**  Nhà nước

 **C.**  Người dùng

 **D.**  Người phân tích thiết kế và người quản trị CSDL.

**Câu 36:** Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

 **A.**  Hàng **B.**  Bảng

 **C.**  Cột **D.**  Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

**Câu 37: Để xóa một bản ghi trong bảng cần thực hiện: mở bảng, chọn bản ghi và chọn**

 **A.**  Tất cả đều được **B.**  Edit/Delete

 **C.**  Edit/Delete Record **D.**  Edit/Cut

**Câu 38: Công việc bảo mật CSDL nào là chính xác nhất:**

 **A.**  Quan tâm bảo mật chương trình xử lí dữ liệu

 **B.**  Quan tâm các giải pháp kĩ thuật phần mềm.

 **C.**  Quan tâm bảo mật cả dữ liệu và chương trình xử lí dữ liệu

 **D.**  Quan tâm bảo mật dữ liệu

**Câu 39:** Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs), thì khoá chính của bảng là: (Hình KhoaChinh.jpg)



 **A.**  Khoá chính = {Mahs}

 **B.**  Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}

 **C.**  Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}

 **D.**  Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}

**Câu 40:** Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

 **A.**  Kiểu dữ liệu của một thuộc tính **B.**  Hàng

 **C.**  Cột **D.**  Bảng

**Câu 41: Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây *không* nhất thiết phải thực hiện?**

 **A.**  Đặt tên trường **B.**  Chọn kiểu dữ liệu

 **C.**  Mô tả nội dung  **D.**  Đặt kích thước

**Câu 42: Câu nào *sai* trong các câu dưới đây?**

 **A.**  Hệ quản trị CSDL cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

 **B.**  Thay đổi mật khẩu để tăng cường khả năng bảo vệ mật khẩu

 **C.**  Hệ quản trị CSDL không cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

 **D.**  Nên định kì thay đổi mật khẩu

**Câu 43: Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?**

 **A.**  Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều CSDL quan hệ

 **B.**  Là một dạng bộ lọc, có khả năng thu thập thông tin từ một hoặc nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

 **C.**  Là một đối tượng có khả năng thu thập và cập nhật thông tin từ một hoặc nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

 **D.**  Là một dạng bộ lọc, có khả năng thu thập thông tin trong một bảng của một CSDL quan hệ

**Câu 44: Chức năng của mẫu hỏi (Query) là:**

 **A.**  Sắp xếp, lọc các bản ghi

 **B.**  Thực hiện tính toán đơn giản

 **C.**  Tổng hợp thông tin từ một hoặc nhiều bảng

 **D.**  Tất cả các chức năng

**Câu 45: Khi kết thúc phiên làm việc thì không nên quên điều gì**

 **A.**  Lưu biên bản về việc truy cập dữ liệu

 **B.**  Bàn giao cho ca làm việc tiếp theo

 **C.**  Tắt máy, tắt nguồn, khóa cửa phòng

 **D.**  Thoát khỏi tất cả các chương trình đã đăng nhập

**Câu 46: Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần phải:**

 **A.**  Nhận dạng người dùng bằng mã hoá

 **B.**  Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm

 **C.**  Thường xuyên sao chép dữ liệu

 **D.**  Thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống bảo vệ

**Câu 47: Các yếu tố tham gia trong việc bảo mật hệ thống như mật khẩu, mã hoá thông tin cần** phải:

 **A.**  Phải thường xuyên thay đổi để tằng cường tính bảo mật.

 **B.**  Chỉ nên thay đổi nếu người dùng có yêu cầu.

 **C.**  Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.

 **D.**  Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.

**Câu 48: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào không phải là chức năng của biên bản hệ thống?**

 **A.**  Nhận diện người dùng để cung cấp dữ liệu mà họ được phân quyền truy cập.

 **B.**  Lưu lại thông tin của người truy cập vào hệ thống.

 **C.**  Lưu lại các yêu cầu tra cứu hệ thống.

 **D.**  Lưu lại số lần truy cập vào hệ thống.

**Câu 49: Phát biểu nào dưới đây *không* phải là bảo mật thông tin trong hệ CSDL?**

 **A.**  Khống chế số người sử dụng CSDL

 **B.**  Đảm bảo thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn

 **C.**  Ngăn chặn các truy cập không được phép

 **D.**  Hạn chế tối đa các sai sót của người dùng

**Câu 50: Khảng định nào sau đây mới là chính xác** (Hình BangView)



 **A.**  Không thể xóa nhiều bản ghi cùng lúc

 **B.**  Chỉ có thể xóa tối đa 3 bản ghi tính từ bản ghi hiện tại trở xuống

 **C.**  Chỉ có thể xóa từng bản ghi trong bảng mà thôi

 **D.**  Có thể xóa một hoặc nhiều bản ghi cùng lúc

**Câu 51: Giả sử lúc tạo cấu trúc bảng thiếu một trường, để thêm một trường không phải ở vị trí cuối ta** **chọn vị trí cần thêm, sau đó nháy nút**: (Hình CuaSoThietKeBang)



 **A.**  14 **B.**  17 **C.**  15 **D.**  16

**Câu 52: Phát biểu nào dưới đây sai khi nói về mã hoá thông tin?**

 **A.**  Nén dữ liệu cũng góp phần tăng cường tính bảo mật của dữ liệu.

 **B.**  Mã hoá thông tin để giảm khả năng rò rỉ thông tin.

 **C.**  Các thông tin quan trọng và nhạy cảm nên lưu trữ dưới dạng mã hoá.

 **D.**  Các thông tin sẽ được an toàn tuyệt đối sau khi đã được mã hoá.

**Câu 53:** Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

 **A.**  Thuộc tính khóa

 **B.**  Tên trường

 **C.**  Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

 **D.**  Địa chỉ của các bảng

**Câu 54: Thông thường, người dùng muốn truy cập vào hệ CSDL cần cung cấp:**

 **A.**  Tên tài khoản và mật khẩu. **B.**  Thông tin cá nhân.

 **C.**  Chữ ký hoặc dấu vân tay **D.**  Hình ảnh và giọng nói.

**Câu 55: Lưu biên bản không phải để nhằm mục đích:**

 **A.**  Cung cấp thông tin cho phép đánh giá mức độ quan tâm của người dùng đối với hệ thống

 **B.**  Báo cáo kết quả định kỳ

 **C.**  Hỗ trợ việc khôi phục hệ thống khi có sự cố kỹ thuật

 **D.**  Điều tra khi hệ thống gặp sự cố.

**Câu 56: Để ngăn chặn các truy cập trái phép thông thường người ta hay làm gì?**

 **A.**  Đặt mật khẩu **B.**  Phải sử dụng kết hợp tất cả

 **C.**  Lấy dấu vân tay **D.**  Nghe giọng nói

**Câu 57:** Thao tác trên dữ liệu có thể là:

 **A.**  Sửa bản ghi  **B.**  Xoá bản ghi **C.**  Thêm bản ghi **D.**  Tất cả đều đúng

**Câu 58:** Khẳng định nào là chính xác khi nói về khoá?

 **A.**  Khoá là một thuộc tính để phân biệt được các cá thể trong bảng

 **B.**  Khoá là tập tất cả các thuộc tính để phân biệt được các cá thể trong bảng

 **C.**  Khoá là tập các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể trong bảng

 **D.**  Khoá là tập các thuộc tính để phân biệt được các cá thể trong bảng

**Câu 59: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào *không* phải là chức năng của biên bản hệ thống?**

 **A.**  Lưu lại các yêu cầu tra cứu hệ thống.

 **B.**  Lưu lại thông tin của người truy cập vào hệ thống.

 **C.**  Lưu lại các thao tác của người truy cập vào hệ thống.

 **D.**  Lưu lại số lần truy cập vào hệ thống.

**Câu 60: Chỉnh sửa dữ liệu là:**

 **A.**  Xoá một số quan hệ **B.**  Xoá một số bản ghi

 **C.**  Thay đổi các giá trị của bản ghi  **D.**  Xoá một số thuộc tính

**Câu 61: Giả sử có dãy ký tự: BBBBBBBBAAAACCCCCC cách viết nào sau thể hiện là cách viết của mã hóa độ dài hàng loạt**

 **A.**  8B+4A+6C **B.**  B8A4C6 **C.**  8B4A6C **D.**  8B&4A&6C

**Câu 62: Ai là người phải có ý thức, trách nhiệm và tự giác chấp hành các điều khoản do luật pháp qui định?**

 **A.**  Người phân tích thiết kế và người quản trị CSDL.

 **B.**  Nhà nước

 **C.**  Người dùng

 **D.**  Tất cả mọi người.

**Câu 63: Trong chế độ chỉnh sửa (Design view), Khảng định nào sau đây là chính xác** (Hình BangDesign)

****

 **A.**  Không thể chèn thêm một trường mới vào một vị trí nào đó mà các trường đã được tạo

 **B.**  Có thể chèn thêm một trường mới vào bất cứ vị trí nào tùy ý

 **C.**  Mặc định trường mới là luôn ở cuối cùng

 **D.**  Chỉ có thể chèn thêm một trường mới vào vị trí cuối cùng mà thôi

**Câu 64: Khai thác CSDL quan hệ có thể là:**

 **A.**  Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết

 **B.**  Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường

 **C.**  Sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo

 **D.**  Thêm, sửa, xóa bản ghi

**Câu 65:** Cho bảng dữ liệu dưới dây: Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ? (Hình ThuocTinhPhucHop.jpg)



 **A.**  Có thuộc tính là phức hợp  **B.**  Số bản ghi quá ít.

 **C.**  Tên các thuộc tính bằng chữ Việt **D.**  Không có thuộc tính tên người mượn

**Câu 66: Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:**

 **A.**  Chính sách và ý thức **B.**  Tất cả

 **C.**  Mã hoá thông tin và nén dữ  **D.**  Lưu biên bản.

**Câu 67: Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL quan hệ sẽ *không*:**

 **A.**  Xoá vĩnh viễn một số bản ghi không thoả mãn điều kiện trong CSDL quan hệ

 **B.**  Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.

 **C.**  Liệt kê tập con các bản ghi thoả mãn điều kiện

 **D.**  Định vị các bản ghi thoả mãn điều kiện

**Câu 68:** Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

 **A.**  Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng

 **B.**  Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp

 **C.**  Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng

 **D.**  Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

**Câu 69: Thao tác khai báo cấu trúc bảng bao gồm :**

 **A.**  Khai báo kích thước của trường

 **B.**  Khai báo các đặc tính của các từng trường

 **C.**  Tất cả đều đúng

 **D.**  Đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

**Câu 70: Thao tác nào sau đây *không* thuộc về công việc tạo lập CSDL quan hệ?**

 **A.**  Chọn khoá chính **B.**  Ðặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng

 **C.**  Nhập dữ liệu **D.**  Tạo cấu trúc bảng

**Câu 71: Khi thiết kế, các trường có kiểu TEXT, người ta thường giới hạn số ký tự trong thuộc tính Field size phù hợp với dữ liệu nhập thay vì mặc định là 255 là vì:**

 **A.**  Phù hợp liên kết giữa các bảng **B.**  Dễ nhận biết

 **C.**  Tránh lãng phí bộ nhớ **D.**  Cho nó gọn

**Câu 72: Câu nào sai trong các câu dưới đây khi nói về chức năng lưu biên bản hệ thống?**

 **A.**  Lưu lại nội dung cập nhật, người thực hiện, thời điểm cập nhật

 **B.**  Cho biết số lần truy cập vào hệ thống, vào từng thành phần của hệ thống, vào từng yêu cầu tra cứu, …

 **C.**  Lưu lại các thông tin cá nhân của người cập nhật

 **D.**  Cho thông tin về một số lần cập nhật cuối cùng

**Câu 73: Khi thiết kế, tại thuộc tính Validation Rule của trường Điểm, người ta thường đặt cụm từ “Between 0 And 10” nhằm mục đích gì?**

 **A.**  Nhắc nhở người dùng chú ý chỉ được nhập các số từ 1 đến 9

 **B.**  Người dùng không được nhập số 0 và số 10

 **C.**  Cảnh báo người dùng nếu nhập không đúng thứ tự từ 0 đến 10

 **D.**  Người dùng chỉ được phép nhập trong khoảng từ 0 đến 10

**Câu 74:** Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường : STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là :

 **A.**  Họ tên học sinh **B.**  Phòng thi **C.**  STT **D.**  Số báo danh

**Câu 75: Bảng trong chế độ trang dữ liệu (Datasheet View), để xóa một trường ta chọn trường đó và:**

 **A.**  Nháy nút Delete Columns trên thanh công cụ

 **B.**  Không thể xóa trường trong chế độ này

 **C.**  Nhấn nút Delete trên bàn phím

 **D.**  Edit / Delete Columns

**Câu 76: Phát biểu nào dưới đây *sai* khi nói về mã hoá thông tin?**

 **A.**  Các thông tin quan trọng và nhạy cảm nên lưu trữ dưới dạng mã hoá.

 **B.**  Nén dữ liệu cũng góp phần tăng cường tính bảo mật của dữ liệu.

 **C.**  Các thông tin sẽ được an toàn tuyệt đối sau khi đã được mã hoá.

 **D.**  Mã hoá thông tin để giảm khả năng rò rỉ thông tin.

**Câu 77: Thông thường, người dùng muốn truy cập vào hệ CSDL cần cung cấp:**

 **A.**  Hình ảnh. **B.**  Tên tài khoản và mật khẩu.

 **C.**  Chữ ký. **D.**  Họ tên người dùng.

**Câu 78: Phát biểu nào trong các phát biểu sau đây là không chính xác?**

 **A.**  Bảo mật CSDL là hạn chế được thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn

 **B.**  Có thể thực hiện bảo mật CSDL bằng các giải pháp phần cứng và phần mềm

 **C.**  Hiệu quả của bảo mật chỉ phụ thuộc vào hệ QTCSDL và chương trình ứng dụng

 **D.**  Hiệu quả bảo mật CSDL phụ thuộc rất nhiều vào các chủ trương, chính sách của chủ sở hữu thông tin và ý thức của người dùng.

**Câu 79: Để bảo mật hệ thống thì mật khẩu của người dùng cần phải:**

 **A.**  Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.

 **B.**  Chỉ nên thay đổi nếu người dùng có yêu cầu.

 **C.**  Phải thường xuyên thay đổi để tằng cường tính bảo mật.

 **D.**  Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.

**Câu 80:** Trong hệ CSDL quan hệ, miền là:

 **A.**  Tập các kiểu dữ liệu trong Access **B.**  Kiểu dữ liệu của một bảng

 **C.**  Kiểu dữ liệu của một thuộc tính  **D.**  Tập các thuộc tính trong một bảng

**Câu 81:** Để xác định miền cho thuộc tính Diem trong bảng DIEM\_THI ta dùng lệnh nào sau đây

 **A.**  0..10 **B.**  For 0 to 10 **C.**  0-10 **D.**  Between 0 And 10

**Câu 82: Để xóa một trường trong bảng, ta mở bảng trong chế độ chỉnh sửa (Design), chọn trường đó rồi:**

 **A.**  Tổ hợp phím Ctrl+Y **B.**  Nhấn phím Delete

 **C.**  Tổ hợp phím Ctrl+Delete **D.**  Tổ hợp phím Ctrl+D

**Câu 83: Bảng trong chế độ trang dữ liệu (Datasheet View), để thêm một trường ta chọn trường để thêm một trường mới vào vị trí đó và dùng thao tác nào sau đây:**

 **A.**  Nhấn nút Insert trên bàn phím

 **B.**  Không thể thêm trường trong chế độ này

 **C.**  Nháy nút Insert Columns trên thanh công cụ

 **D.**  Insert / Columns

**Câu 84: Thao tác nào sau đây *không* phải là công việc khai thác CSDL quan hệ?**

 **A.**  Kết xuất báo cáo **B.**  Xem dữ liệu

 **C.**  Sắp xếp các bản ghi **D.**  Thêm bản ghi mới

**Câu 85:** Cho các bảng sau: DanhMucSach(MaSach, TenSach, MaLoai), LoaiSach(MaLoai, LoaiSach), HoaDon(MaSach, SoLuong, DonGia). Để biết *giá của một quyển sách* thì cần những bảng nào ?

 **A.**  HoaDon, LoaiSach **B.**  HoaDon

 **C.**  DanhMucSach, LoaiSach **D.**  DanhMucSach, HoaDon

**Câu 86: Xoá bản ghi là :**

 **A.**  Xoá một hoặc một số cơ sở dữ liệu

 **B.**  Xoá một hoặc một số bộ của bảng

 **C.**  Xoá một hoặc một số quan hệ

 **D.**  Xoá một hoặc một số thuộc tính của bảng

**Câu 87: Việc bảo mật thông tin trong các CSDL phụ thuộc ở cấp độ nào?**

 **A.**  Người phân tích thiết kế và người quản trị

 **B.**  Cả ba cấp độ

 **C.**  Người dùng

 **D.**  Cấp quốc gia

***------ HẾT ------***